

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI THÁNG 10/2025

HỌC KÌ: I

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-ĐHSP ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN)

STT	Mã số SV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Đối tượng	Mức chi trợ cấp xã hội 01 tháng			Ghi chú
						Hộ nghèo	Dân tộc	Tổng	
	B	C	D	E	G	1	2	3=(1+2)	H
1	DTS255D140201326	Lò Thị Hồ Lệ	GD Mầm non	GD Mầm non K60A1	Thái ĐBKK		140.000	140.000	
2	DTS255D140201869	Hoàng Thị Liễu	GD Mầm non	GD Mầm non K60A1	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
3	DTS255D140201382	Hoàng Thị Phương Ly	GD Mầm non	GD Mầm non K60A1	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
4	DTS255D140201920	Hoàng Khánh Ly	GD Mầm non	GD Mầm non K60A1	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
5	DTS255D140201512	Lê Thị Hồng Nhung	GD Mầm non	GD Mầm non K60A1	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
6	DTS255D140201065	Chu Thị Cua	GD Mầm non	GD Mầm non K60A10	Mông ĐBKK		140.000	140.000	
7	DTS255D140201146	Quảng Thị Diệp	GD Mầm non	GD Mầm non K60A10	Dao ĐBKK		140.000	140.000	
8	DTS255D140201245	Nông Thị Huế	GD Mầm non	GD Mầm non K60A10	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
9	DTS255D140201335	Lý Thị Kim Liễu	GD Mầm non	GD Mầm non K60A10	Dao ĐBKK		140.000	140.000	
10	DTS255D140201344	Ma Thị Linh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A10	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
11	DTS255D140201354	Lý Thị Ngọc Linh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A10	Hmông ĐBKK		140.000	140.000	
12	DTS255D140201427	Mùa Thị Mỹ	GD Mầm non	GD Mầm non K60A10	Hmông ĐBKK		140.000	140.000	
13	DTS255D140201436	Mùa Thị Nu	GD Mầm non	GD Mầm non K60A10	Mông ĐBKK		140.000	140.000	
14	DTS255D140201462	Vi Hồng Ngọc	GD Mầm non	GD Mầm non K60A10	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
15	DTS255D140201487	Nông Ánh Nguyệt	GD Mầm non	GD Mầm non K60A10	Nùng ĐBKK		140.000	140.000	
16	DTS255D140201625	Lý Gò Thanh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A10	Hà Nhi ĐBKK		140.000	140.000	
17	DTS255D140201634	Nguyễn Thị Thiên Thảo	GD Mầm non	GD Mầm non K60A10	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
18	DTS255D140201654	Nông Thị Phương Thảo	GD Mầm non	GD Mầm non K60A10	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
19	DTS255D140201852	Vừ Thị Xênh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A10	Hmông ĐBKK		140.000	140.000	
20	DTS255D140201012	Hà Thị Lan Anh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A2	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
21	DTS255D140201821	Trần Phương Anh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A2	Kinh	100.000	140.000	240.000	Mồ Côi
22	DTS255D140201067	Hồ Thị Cua	GD Mầm non	GD Mầm non K60A2	Hmông ĐBKK		140.000	140.000	
23	DTS255D140201192	Vi Thị Hào	GD Mầm non	GD Mầm non K60A2	Thái ĐBKK		140.000	140.000	
24	DTS255D140201237	Lò Thị Hồng	GD Mầm non	GD Mầm non K60A2	Thái ĐBKK		140.000	140.000	
25	DTS255D140201860	Phạm Hà Khánh Linh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A2	Mường ĐBKK		140.000	140.000	
26	DTS255D140201438	Lò Thị Nga	GD Mầm non	GD Mầm non K60A2	Thái ĐBKK		140.000	140.000	
27	DTS255D140201513	Hồ Thị Nhung	GD Mầm non	GD Mầm non K60A2	Hmông ĐBKK		140.000	140.000	
28	DTS255D140201859	Hoàng Thị Hồng Nhung	GD Mầm non	GD Mầm non K60A2	Thái ĐBKK		140.000	140.000	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Đối tượng	Mức chi trợ cấp xã hội 01 tháng			Ghi chú
						Hộ nghèo	Dân tộc	Tổng	
29	DTS255D140201537	Lý Gấm Phin	GD Mầm non	GD Mầm non K60A2	Dao ĐBKK		140.000	140.000	
30	DTS255D140201547	Đặng Thị Minh Phương	GD Mầm non	GD Mầm non K60A2	Dao ĐBKK		140.000	140.000	
31	DTS255D140201668	Nông Thị Diệu Thu	GD Mầm non	GD Mầm non K60A2	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
32	DTS255D140201861	Vi Thị Hương Trà	GD Mầm non	GD Mầm non K60A2	Thái ĐBKK		140.000	140.000	
33	DTS255D140201767	Lâu Thị Va	GD Mầm non	GD Mầm non K60A2	Hmông ĐBKK		140.000	140.000	
34	DTS255D140201774	Trịnh Thị Kim Vi	GD Mầm non	GD Mầm non K60A2	Dao ĐBKK		140.000	140.000	
35	DTS255D140201050	Sạch Thị Ngọc Ánh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	Nùng ĐBKK		140.000	140.000	
36	DTS255D140201097	Cà Thị Chuyên	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	Thái ĐBKK		140.000	140.000	
37	DTS255D140201141	Nông Thị Ánh Dương	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	Sán chi ĐBKK		140.000	140.000	
38	DTS255D140201238	Đinh Thị Hồng	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
39	DTS255D140201328	Lý Diễm Liềm	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	Dao ĐBKK		140.000	140.000	
40	DTS255D140201337	Lò Thùy Linh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	Thái ĐBKK		140.000	140.000	
41	DTS255D140201357	Bàn Thị Lan Linh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	Dao ĐBKK		140.000	140.000	
42	DTS255D140201391	Lý Thùy Lý	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	Hà Nhi ĐBKK		140.000	140.000	
43	DTS255D140201448	Quảng Thị Ngân	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	Thái ĐBKK		140.000	140.000	
44	DTS255D140201489	Hoàng Thanh Nhã	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
45	DTS255D140201529	Dương Thị Oanh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
46	DTS255D140201538	Ma Ánh Phương	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
47	DTS255D140201590	Vàng Thị Mai Sĩa	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	Hmông ĐBKK		140.000	140.000	
48	DTS255D140201637	Hà Thị Thảo	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	Thái ĐBKK		140.000	140.000	
49	DTS255D140201669	Lộc Minh Thu	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
50	DTS255D140201699	Lò Thị Hoài Thương	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	Thái ĐBKK		140.000	140.000	
51	DTS255D140201726	Quan Thị Thùy Trang	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
52	DTS255D140201750	Giảng Thị Hoài Trắng	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	Hmông ĐBKK		140.000	140.000	
53	DTS255D140201783	Hà Thị Lan Vy	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	Thái ĐBKK		140.000	140.000	
54	DTS255D140201791	Giảng Thị Xoa	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	Mông ĐBKK		140.000	140.000	
55	DTS255D140201041	Đàm Thị Ngọc Ánh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A4	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
56	DTS255D140201089	Lương Thị Yến Chi	GD Mầm non	GD Mầm non K60A4	Thái ĐBKK		140.000	140.000	
57	DTS255D140201098	Khoảng Thị Chuyên	GD Mầm non	GD Mầm non K60A4	Thái ĐBKK		140.000	140.000	
58	DTS255D140201107	Thào Thị Diễm	GD Mầm non	GD Mầm non K60A4	Hmông ĐBKK		140.000	140.000	
59	DTS255D140201116	Hằng Thị Dính	GD Mầm non	GD Mầm non K60A4	Hmông ĐBKK		140.000	140.000	
60	DTS255D140201249	Lưu Thị Thu Huyền	GD Mầm non	GD Mầm non K60A4	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
61	DTS255D140201416	Hoàng Thị Minh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A4	Thái ĐBKK		140.000	140.000	
62	DTS255D140201425	Vi Thị Trà My	GD Mầm non	GD Mầm non K60A4	Thái ĐBKK		140.000	140.000	
63	DTS255D140201574	Lò Thị Quyển	GD Mầm non	GD Mầm non K60A4	Thái ĐBKK		140.000	140.000	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Đối tượng	Mức chi trợ cấp xã hội 01 tháng			Ghi chú
						Hộ nghèo	Dân tộc	Tổng	
64	DTS255D140201584	Bàn Thị Như Quỳnh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A4	Dao ĐBKK		140.000	140.000	
65	DTS255D140201108	Quảng Thị Diên	GD Mầm non	GD Mầm non K60A5	Thái ĐBKK		140.000	140.000	
66	DTS255D140201150	Vàng Thị Đót	GD Mầm non	GD Mầm non K60A5	Hmông ĐBKK		140.000	140.000	
67	DTS255D140201220	Chá Thị Hoa	GD Mầm non	GD Mầm non K60A5	Hmông ĐBKK		140.000	140.000	
68	DTS255D140201230	Lý Mộng Hoài	GD Mầm non	GD Mầm non K60A5	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
69	DTS255D140201393	Triệu Thị Mai	GD Mầm non	GD Mầm non K60A5	Dao ĐBKK		140.000	140.000	
70	DTS255D140201482	Trần Thị Thu Nguyệt	GD Mầm non	GD Mầm non K60A5	Sán Chí ĐBKK		140.000	140.000	
71	DTS255D140201531	Poông Thị Quỳnh Oanh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A5	Thái ĐBKK		140.000	140.000	
72	DTS255D140201955	Quảng Thị Thỏ	GD Mầm non	GD Mầm non K60A5	Thái ĐBKK		140.000	140.000	
73	DTS255D140201853	Nông Hiền Thục	GD Mầm non	GD Mầm non K60A5	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
74	DTS255D140201677	Phản Thị Thúy	GD Mầm non	GD Mầm non K60A5	Dao ĐBKK		140.000	140.000	
75	DTS255D140201748	Hoàng Thị Minh Trang	GD Mầm non	GD Mầm non K60A5	Nùng ĐBKK		140.000	140.000	
76	DTS255D140201761	Ma Thị Tô Uyên	GD Mầm non	GD Mầm non K60A5	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
77	DTS255D140201100	Nông Công Danh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A6	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
78	DTS255D140201195	Lương Mỹ Hằng	GD Mầm non	GD Mầm non K60A6	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
79	DTS255D140201321	Hà Thị Quế Lâm	GD Mầm non	GD Mầm non K60A6	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
80	DTS255D140201350	Thùng Thị Diệu Linh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A6	Thái ĐBKK		140.000	140.000	
81	DTS255D140201404	Sùng Thị Mai	GD Mầm non	GD Mầm non K60A6	Mông ĐBKK		140.000	140.000	
82	DTS255D140201492	Ngọc Thị Yến Nhi	GD Mầm non	GD Mầm non K60A6	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
83	DTS255D140201541	Bùi Thu Phương	GD Mầm non	GD Mầm non K60A6	Mường ĐBKK		140.000	140.000	
84	DTS255D140201576	Lương Như Quỳnh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A6	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
85	DTS255D140201785	Hoàng Thị Xai	GD Mầm non	GD Mầm non K60A6	Hmông ĐBKK		140.000	140.000	
86	DTS255D140201858	Lò Thị Kim Chi	GD Mầm non	GD Mầm non K60A7	Thái ĐBKK		140.000	140.000	
87	DTS255D140201388	Trần Thị Khánh Ly	GD Mầm non	GD Mầm non K60A7	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
88	DTS255D140201459	Vì Thị Thu Nghiệp	GD Mầm non	GD Mầm non K60A7	Thái ĐBKK		140.000	140.000	
89	DTS255D140201604	Đinh Thị Thủy Tiên	GD Mầm non	GD Mầm non K60A7	Mường ĐBKK		140.000	140.000	
90	DTS255D140201777	Chảo Thị Vìn	GD Mầm non	GD Mầm non K60A7	Sán Chí ĐBKK		140.000	140.000	
91	DTS255D140201870	Hoàng Hà Yên	GD Mầm non	GD Mầm non K60A7	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
92	DTS255D140201957	Phàng Thị Dủ	GD Mầm non	GD Mầm non K60A8	Hmông ĐBKK		140.000	140.000	
93	DTS255D140201295	Poông Thị Ngọc Khánh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A8	Thái ĐBKK		140.000	140.000	
94	DTS255D140201379	Lương Khánh Ly	GD Mầm non	GD Mầm non K60A8	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
95	DTS255D140201485	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	GD Mầm non	GD Mầm non K60A8	Tày ĐBKK		140.000	140.000	
96	DTS255D140201543	Giảng Thùy Phương	GD Mầm non	GD Mầm non K60A8	Mông ĐBKK		140.000	140.000	
97	DTS255D140201569	Lò Hồng Quyên	GD Mầm non	GD Mầm non K60A8	Thái ĐBKK		140.000	140.000	
98	DTS255D140201702	Hoàng Diệp Trà	GD Mầm non	GD Mầm non K60A8	Nùng ĐBKK		140.000	140.000	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Đối tượng	Mức chi trợ cấp xã hội 01 tháng			Ghi chú
						Hộ nghèo	Dân tộc	Tổng	
99	DTS255D140201053	Trần Hà Ngọc Bảo	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	Mường ĐBK		140.000	140.000	
100	DTS255D140201145	Bùi Xuân Đạo	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	Mường ĐBK		140.000	140.000	
101	DTS255D140201171	Đặng Thu Hà	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	Dao ĐBK		140.000	140.000	
102	DTS255D140201244	Hứa Thị Út Huệ	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	Tày ĐBK		140.000	140.000	
103	DTS255D140201264	Triệu Thị Huyền	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	Tày ĐBK		140.000	140.000	
104	DTS255D140201353	Dương Thị Ngọc Linh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	Tày ĐBK		140.000	140.000	
105	DTS255D140201363	Đinh Thị Thùy Linh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	Mường ĐBK		140.000	140.000	
106	DTS255D140201397	Hoàng Thị Hiền Mai	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	Tày ĐBK		140.000	140.000	
107	DTS255D140201412	Lò Tả Mỷ	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	Dao ĐBK		140.000	140.000	
108	DTS255D140201435	Phùng Thị Vàng Nênh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	Hmông ĐBK		140.000	140.000	
109	DTS255D140201454	Hoa Thị Ngân	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	Tày ĐBK		140.000	140.000	
110	DTS255D140201461	Đồng Yến Ngọc	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	Tày ĐBK		140.000	140.000	
111	DTS255D140201479	Lò Thị Nguyên	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	Thái ĐBK		140.000	140.000	
112	DTS255D140201486	Lý Ánh Nguyệt	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	Tày ĐBK		140.000	140.000	
113	DTS255D140201535	Vàng Thị Pàng	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	Hmông ĐBK		140.000	140.000	
114	DTS255D140201665	Hoàng Hoài Thu	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	Tày ĐBK		140.000	140.000	
115	DTS255D140201742	Nịnh Thị Trang	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	Sán Chi ĐBK		140.000	140.000	
116	DTS255D140201864	Tạ Huyền Trang	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	Tày ĐBK		140.000	140.000	
117	DTS255D140206051	Vi Phan Khánh	Thẻ dục-thể thao	GD Thẻ chất K60A2	Tày 135		140.000	140.000	
118	DTS255D140206047	Bế Trung Kiêm	Thẻ dục-thể thao	GD Thẻ chất K60A2	Tày 135		140.000	140.000	
119	DTS255D140206033	Lương Quốc Hiệu	Thẻ dục-thể thao	GD Thẻ chất K60A2	Tày 135		140.000	140.000	
120	DTS255D810302002	Hoàng Thị Kim Anh	Thẻ dục-thể thao	Huấn luyện TT K60	Tày 135		140.000	140.000	
121	DTS255D810302024	Nguyễn Thành Long	Thẻ dục-thể thao	Huấn luyện TT K60	Tày 135		140.000	140.000	
122	DTS255D810302014	Ma Thế Đan	Thẻ dục-thể thao	Huấn luyện TT K60	Tày 135		140.000	140.000	
123	DTS255D810302011	Lò Anh Dũng	Thẻ dục-thể thao	Huấn luyện TT K60	Thái 135		140.000	140.000	
124	DTS255D140206095	Lương Minh trang	Thẻ dục-thể thao	GD Thẻ chất K60A1	Tày 135		140.000	140.000	
125	DTS255D810302014	Lô Văn Phú	Thẻ dục-thể thao	Huấn luyện TT K60	Tày 135		140.000	140.000	
126	DTS255D140206034	Nông Vi Hoan	Thẻ dục-thể thao	GD Thẻ chất K60A1	Nùng 135		140.000	140.000	
127	DTS255D810302023	Nông Tùng Lâm	Thẻ dục-thể thao	Huấn luyện TT K60	Tày 135		140.000	140.000	
128	DTS255D140206099	Dương Văn Vĩnh	Thẻ dục-thể thao	GD Thẻ chất K60A1	Tày 135		140.000	140.000	
129	DTS255D140206015	Bế Đức Duy	Thẻ dục-thể thao	GD Thẻ chất K60A2	Tày 135		140.000	140.000	
130	DTS255D140206029	Trần Nhật Hạ	Thẻ dục-thể thao	GD Thẻ chất K60A2	Cao Lan 135		140.000	140.000	
131	DTS255D140206039	Vũ Quốc Hùng	Thẻ dục-thể thao	GD Thẻ chất K60A2	Tày 135		140.000	140.000	
132	DTS255D140219027	Lò Thanh Hưng	Địa lý	SP Địa lý K60A1	Thái 135		140.000	140.000	
133	DTS255D140219031	Hà Thị Khánh Ly	Địa lý	SP Địa lý K60A1	Pà Thên 135		140.000	140.000	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Đối tượng	Mức chi trợ cấp xã hội 01 tháng			Ghi chú
						Hộ nghèo	Dân tộc	Tổng	
134	DTS255D140219039	Lãnh Minh Nguyệt	Địa lý	SP Địa lý K60A1	Tày 135		140.000	140.000	
135	DTS255D140219101	Hoàng Thị Thanh Nhã	Địa lý	SP Địa lý K60A1	Nùng 135		140.000	140.000	
136	DTS255D140219045	Hoàng Thị Kim Oanh	Địa lý	SP Địa lý K60A1	Nùng 135		140.000	140.000	
137	DTS255D140219049	Phạm Nhật Thanh	Địa lý	SP Địa lý K60A1	Tày 135		140.000	140.000	
138	DTS255D140219051	Nông Thị Thi	Địa lý	SP Địa lý K60A1	Tày 135		140.000	140.000	
139	DTS255D140219005	Nguyễn Thị Thanh Bình	Địa lý	SP Địa lý K60A2	Tàn tật	100.000		100.000	
140	DTS255D140219013	Bạch Linh Đan	Địa lý	SP Địa lý K60A2	Mường 135		140.000	140.000	
141	DTS255D140219014	Hoàng Thị Thu Gấm	Địa lý	SP Địa lý K60A2	Tày 135		140.000	140.000	
142	DTS255D140219095	Dương Thị Ngọc Hà	Địa lý	SP Địa lý K60A2	HN -2025	100.000		100.000	
143	DTS255D140219018	Chang Thị Hằng	Địa lý	SP Địa lý K60A2	Mông 135		140.000	140.000	
144	DTS255D140219022	Hoàng Văn Hậu	Địa lý	SP Địa lý K60A2	Nùng 135		140.000	140.000	
145	DTS255D140219099	Phương Thị Mỹ Linh	Địa lý	SP Địa lý K60A2	Nùng 135		140.000	140.000	
146	DTS255D140219030	Nông Thị Thùy Linh	Địa lý	SP Địa lý K60A2	Nùng 135		140.000	140.000	
147	DTS255D140219105	Ma Thị Linh	Địa lý	SP Địa lý K60A2	Tày 135		140.000	140.000	
148	DTS255D140219074	Vương Thị Nguyệt	Địa lý	SP Địa lý K60A2	Tày 135		140.000	140.000	
149	DTS255D140219042	Tráng Thị Nhi	Địa lý	SP Địa lý K60A2	Xuông 135		140.000	140.000	
150	DTS255D140219044	Hà Quỳnh Như	Địa lý	SP Địa lý K60A2	Thái 135		140.000	140.000	
151	DTS255D140219035	Khang A Nủ	Địa lý	SP Địa lý K60A2	Mông 135		140.000	140.000	
152	DTS255D140219050	Bùi Phương Thảo	Địa lý	SP Địa lý K60A2	Mường 135		140.000	140.000	
153	DTS255D140219055	Lãnh Thị Thủy	Địa lý	SP Địa lý K60A2	Tày 135		140.000	140.000	
154	DTS255D140219073	Dương Hải Yến	Địa lý	SP Địa lý K60A2	Nùng 135		140.000	140.000	
155	DTS255D140249002	Giảng A Anh	Địa lý	SP Lịch sử - Địa lý K60	Mông 135		140.000	140.000	
156	DTS255D140249005	Đặng Thị Ngọc Ánh	Địa lý	SP Lịch sử - Địa lý K60	Dao 135		140.000	140.000	
157	DTS255D140249014	Hà Thị Hương Giang	Địa lý	SP Lịch sử - Địa lý K60	Thái 135		140.000	140.000	
158	DTS255D140249017	Vi Thị Hằng	Địa lý	SP Lịch sử - Địa lý K60	Nùng 135		140.000	140.000	
159	DTS255D140249066	Tô Lan Hương	Địa lý	SP Lịch sử - Địa lý K60	Tày 135		140.000	140.000	
160	DTS255D140249023	Triệu Thị Tuyết Mai	Địa lý	SP Lịch sử - Địa lý K60	Nùng 135		140.000	140.000	
161	DTS255D140249090	Vi Thị An Na	Địa lý	SP Lịch sử - Địa lý K60	Tày 135		140.000	140.000	
162	DTS255D140249084	Mai Thị Ngọc	Địa lý	SP Lịch sử - Địa lý K60	Tày 135		140.000	140.000	
163	DTS255D140249064	Nông Thị Sơn	Địa lý	SP Lịch sử - Địa lý K60	Tày 135		140.000	140.000	
164	DTS255D140249041	Hà Thị Thơm	Địa lý	SP Lịch sử - Địa lý K60	Thái 135		140.000	140.000	
165	DTS255D140249078	Chu Thị Thương	Địa lý	SP Lịch sử - Địa lý K60	Tày 135		140.000	140.000	
166	DTS255D140249069	Sin Thị Tươi	Địa lý	SP Lịch sử - Địa lý K60	Nùng 135		140.000	140.000	
167	DTS255D140218006	Hà Thị Thuý Duyên	Lịch sử	SP Lịch sử K60	Mường 135		140.000	140.000	
168	DTS255D140218011	Ma Thị Trà Giang	Lịch sử	SP Lịch sử K60	Tày 135		140.000	140.000	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Đối tượng	Mức chi trợ cấp xã hội 01 tháng			Ghi chú
						Hộ nghèo	Dân tộc	Tổng	
169	DTS255D140218017	Hoàng Gia Hưng	Lịch sử	SP Lịch sử K60	Nùng 135		140.000	140.000	
170	DTS255D140218025	Ma Thị Loan	Lịch sử	SP Lịch sử K60	Tày 135		140.000	140.000	
171	DTS255D140218064	Ma Văn Quân	Lịch sử	SP Lịch sử K60	Nùng 135		140.000	140.000	
172	DTS255D140218065	Đặng Thị Thùy Quyên	Lịch sử	SP Lịch sử K60	Dao 135		140.000	140.000	
173	DTS255D140218068	Giáp Thị Thủy	Lịch sử	SP Lịch sử K60	HN -2025	100.000		100.000	
174	DTS255D140218037	Hoàng Văn Tiếp	Lịch sử	SP Lịch sử K60	Sán Chi 135		140.000	140.000	
175	DTS255D140218055	Dương Quốc Việt	Lịch sử	SP Lịch sử K60	Tày 135		140.000	140.000	
176	DTS255D140218060	Triệu Hà Hải Yến	Lịch sử	SP Lịch sử K60	Tày 135		140.000	140.000	
177	DTS255D140247081	Nguyễn Thị Thùy Chang	Sinh học	SP Khoa học tự nhiên K60A1	Tày 135		140.000	140.000	
178	DTS255D140247080	Nguyễn Thị Trang	Sinh học	SP Khoa học tự nhiên K60A1	Tày 135		140.000	140.000	
179	DTS255D140213004	Lường Thị Vân Anh	Sinh học	SP Sinh học K60	Thái 135		140.000	140.000	
180	DTS255D140213009	Quảng Thị Chuyên	Sinh học	SP Sinh học K60	Thái ĐBK		140.000	140.000	
181	DTS255D140213015	Sầm Thị Mỹ Duyên	Sinh học	SP Sinh học K60	Tày 135		140.000	140.000	
182	DTS255D140213016	Hoàng Thị Hương Giang	Sinh học	SP Sinh học K60	Tày 135		140.000	140.000	
183	DTS255D140213018	Hoàng Thị Thiên Hà	Sinh học	SP Sinh học K60	Tày 135		140.000	140.000	
184	DTS255D140213020	Hứa Thị Minh Hằng	Sinh học	SP Sinh học K60	Nùng 135		140.000	140.000	
185	DTS255D140213022	Triệu Thị Hoài	Sinh học	SP Sinh học K60	Tày 135		140.000	140.000	
186	DTS255D140213095	Mạc Thị Hương	Sinh học	SP Sinh học K60	Nùng 135		140.000	140.000	
187	DTS255D140213082	Vương Hoàng Kiêm	Sinh học	SP Sinh học K60	Tày 135		140.000	140.000	
188	DTS255D140213037	Nông Thị Khánh Ly	Sinh học	SP Sinh học K60	Nùng 135		140.000	140.000	
189	DTS255D140213052	Chu Minh Tâm	Sinh học	SP Sinh học K60	Tày 135		140.000	140.000	
190	DTS255D140213088	Lò Thị Trang	Sinh học	SP Sinh học K60	Thái 135		140.000	140.000	
191	DTS255D140210146	Trần Quỳnh Anh	Toán	SP Tin học K60A1	Kinh (HN)	100.000		100.000	
192	DTS255D140210010	Hoàng Duy Anh	Toán	SP Tin học K60A1	Kinh (CMC)	100.000		100.000	
193	DTS255D140210048	Ma Thế Khanh	Toán	SP Tin học K60A1	Tày 135		140.000	140.000	
194	DTS255D140210148	Luân Thị Nhật Lệ	Toán	SP Tin học K60A1	Nùng 135		140.000	140.000	
195	DTS255D140210051	Nguyễn Thị Bích Liễu	Toán	SP Tin học K60A1	Tày 135		140.000	140.000	
196	DTS255D140210084	Nông Quốc Toàn	Toán	SP Tin học K60A1	Tày 135		140.000	140.000	
197	DTS255D140210086	Vũ Anh Tuấn	Toán	SP Tin học K60A1	Mường 135		140.000	140.000	
198	DTS255D140210102	Vương Nông Ngọc Trâm	Toán	SP Tin học K60A1	Nùng 135		140.000	140.000	
199	DTS255D140210132	Vì Tuấn Hùng	Toán	SP Tin học K60A1	Nùng 135		140.000	140.000	
200	DTS255D140210002	Trần Trọng An	Toán	SP Tin học K60A2	Tày (HN)	100.000		100.000	
201	DTS255D140210014	Lộc Thị Bền	Toán	SP Tin học K60A2	Nùng (CMC)	100.000		100.000	
202	DTS255D140210124	Đàm Trọng Hải	Toán	SP Tin học K60A2	Tày 135		140.000	140.000	
203	DTS255D140210033	Nguyễn Vũ Hoàng	Toán	SP Tin học K60A2	Tày 135		140.000	140.000	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Đối tượng	Mức chi trợ cấp xã hội 01 tháng			Ghi chú
						Hộ nghèo	Dân tộc	Tổng	
204	DTS255D140210090	Đinh Thị Thanh Thảo	Toán	SP Tin học K60A2	Tày 135		140.000	140.000	
205	DTS255D140209090	Nguyễn Hoa Thảo Nguyên	Toán	SP Toán học K60 định hướng CLC	Mường		140.000	140.000	
206	DTS255D140209125	Hà Tú Uyên	Toán	SP Toán học K60 định hướng CLC	Tày		140.000	140.000	
207	DTS255D140209022	Lý Mùi Côi	Toán	SP Toán học K60A1	Dao (HN)	100.000		100.000	
208	DTS255D140209182	Lô Thị Bích Hoài	Toán	SP Toán học K60A1	Thái ĐBK		140.000	140.000	
209	DTS255D140209075	Nguyễn Hồng Lộc	Toán	SP Toán học K60A1	Dao 135		140.000	140.000	
210	DTS255D140209158	Đàm Yến Ngọc	Toán	SP Toán học K60A1	Tày 135		140.000	140.000	
211	DTS255D140209121	Hoàng Thị Đoan Trang	Toán	SP Toán học K60A1	Nùng 135		140.000	140.000	
212	DTS255D140209129	Nguyễn Anh Vũ	Toán	SP Toán học K60A1	Dao 135		140.000	140.000	
213	DTS255D140209050	Nguyễn Thị Minh Hoài	Toán	SP Toán học K60A2	Dao 135		140.000	140.000	
214	DTS255D140209076	Vy Khánh Ly	Toán	SP Toán học K60A2	Nùng 135		140.000	140.000	
215	DTS255D140209101	Ma Thị Lệ Quyên	Toán	SP Toán học K60A2	Tày 135		140.000	140.000	
216	DTS255D140209171	Ma Thủy Sinh	Toán	SP Toán học K60A2	Tày 135		140.000	140.000	
217	DTS255D140209146	Hoàng Thị Thanh Thúy	Toán	SP Toán học K60A2	Kinh (HN)	100.000		100.000	
218	DTS255D140209111	Bế Xuân Thế	Toán	SP Toán học K60 định hướng CLC	Tày		140.000	140.000	
219	DTS255D140247037	Phan Thị Đăng Ngà	Sinh học	SP Khoa học tự nhiên K60A2	Dao ĐBK		140.000	140.000	
220	DTS255D140247087	Nguyễn Trung Thành	Sinh học	SP Khoa học tự nhiên K60A2	Thái 135		140.000	140.000	
221	DTS255D140247055	Nông Thị Thanh Thương	Sinh học	SP Khoa học tự nhiên K60A2	Nùng 135		140.000	140.000	
222	DTS255D140202081	Nguyễn Linh Chi	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A2	Hộ nghèo	100.000		100.000	
223	DTS255D140202570	Phản Thị Trang	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A2	Dao ĐBK		140.000	140.000	
224	DTS255D140202200	Nông Thị Hoài	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A2	Tày ĐBK		140.000	140.000	
225	DTS255D140202132	Hà Thủy Giang	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A2	Nùng ĐBK		140.000	140.000	
226	DTS255D140202586	Hoàng Thu Trang	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A2	Nùng ĐBK		140.000	140.000	
227	DTS255D140202612	Đinh Quốc Việt	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A2	Mường ĐBK		140.000	140.000	
228	DTS255D140202671	Giảng Tuấn Anh	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A2	Si La ĐBK		140.000	140.000	
229	DTS255D140202716	Nông Bích Ngọc	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A2	Tày ĐBK		140.000	140.000	
230	DTS255D140202112	Giảng Seo Dương	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A2	Mông ĐBK		140.000	140.000	
231	DTS255D140202541	Hoàng Thị Anh Thư	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A2	Tày ĐBK		140.000	140.000	
232	DTS255D140202768	Trần Yến Nhi	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A2	Tày ĐBK		140.000	140.000	
233	DTS255D140202637	Lò Thị Kim Huệ	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A2	Thái ĐBK		140.000	140.000	
234	DTS255D140202192	Mùa Thị Hoa	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A2	Mông ĐBK		140.000	140.000	
235	DTS255D140202525	Nguyễn Thị Phương Thủy	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A2	Tày ĐBK		140.000	140.000	
236	DTS255D140202298	Trịnh Thị Kim Loan	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A2	Nùng ĐBK		140.000	140.000	
237	DTS255D140202770	Trần Thị Huyền	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A3	Tày ĐBK		140.000	140.000	
238	DTS255D140202268	Chu Thị Khánh Linh	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A3	Tày ĐBK		140.000	140.000	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Đối tượng	Mức chi trợ cấp xã hội 01 tháng			Ghi chú
						Hộ nghèo	Dân tộc	Tổng	
239	DTS255D140202786	Lò Quốc Việt	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A3	Thái ĐBK		140.000	140.000	
240	DTS255D140202734	Đàm Xuân Diệu	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A3	Tày ĐBK		140.000	140.000	
241	DTS255D140202211	Nguyễn Khánh Huyền	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A3	Tày ĐBK		140.000	140.000	
242	DTS255D140202571	Nguyễn Thủy Trang	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A3	Mồ côi	100.000		100.000	
243	DTS255D140202349	Triệu Thị Hồng Nga	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A3	Nùng ĐBK		140.000	140.000	
244	DTS255D140202744	Chu Thị Hồng Hạnh	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A3	Nùng ĐBK		140.000	140.000	
245	DTS255D140202256	Đồng Thị Lê	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A5	Tày ĐBK		140.000	140.000	
246	DTS255D140202101	Bùi Huyền Dịu	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A5	Mường ĐBK		140.000	140.000	
247	DTS255D140202550	Hoàng Thị Thương	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A5	Tày ĐBK		140.000	140.000	
248	DTS255D140202534	Hoàng Thị Minh Thư	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A5	Tày ĐBK		140.000	140.000	
249	DTS255D140202451	Hầu Thị Sí	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A5	Mông ĐBK		140.000	140.000	
250	DTS255D140202069	Lò Thị Châm	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A5	Thái ĐBK		140.000	140.000	
251	DTS255D140202301	Hà Thị Thu Luyện	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A5	Tày ĐBK		140.000	140.000	
252	DTS255D140202414	Giảng Thị Pàng	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A5	Mông ĐBK		140.000	140.000	
253	DTS255D140202514	Vi Thị Thâm	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A5	Nùng ĐBK		140.000	140.000	
254	DTS255D140202061	Hoàng Thanh Bình	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A5	Tày ĐBK		140.000	140.000	
255	DTS255D140202337	Nguyễn Thị Trà My	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A4	Tày ĐBK		140.000	140.000	
256	DTS255D140202513	Lò Duy Thắng	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A4	Lào ĐBK		140.000	140.000	
257	DTS255D140202372	Long Minh Nguyệt	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A4	Nùng ĐBK		140.000	140.000	
258	DTS255D140202174	Vũ Chang Hiên	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A7	Tày ĐBK		140.000	140.000	
259	DTS255D140202063	Hoàng Thị Kim Cúc	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A7	Xa Phó ĐBK		140.000	140.000	
260	DTS255D140202652	Nông Bích Thảo	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A7	Nùng ĐBK		140.000	140.000	
261	DTS255D140202496	Hoàng Thị Thảo	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A7	Nùng ĐBK		140.000	140.000	
262	DTS255D140202014	Lê Mai Anh	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A7	Tày ĐBK		140.000	140.000	
263	DTS255D140202733	Lèo Khánh Ly	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A7	Thái ĐBK		140.000	140.000	
264	DTS255D140202616	Bế Thị Yến Vy	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A7	Tày ĐBK		140.000	140.000	
265	DTS255D140202137	Lăng Thị Giang	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A7	Nùng ĐBK		140.000	140.000	
266	DTS255D140202479	Hà Thị Hoài Thanh	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A7	Tày ĐBK		140.000	140.000	
267	DTS255D140202096	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A7	Dao ĐBK		140.000	140.000	
268	DTS255D140202078	Bùi Thị Linh Chi	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A7	Mường ĐBK		140.000	140.000	
269	DTS255D140202623	Lê Hoàng Yến	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A7	Tày ĐBK		140.000	140.000	
270	DTS255D140202436	Sầm Lệ Quyên	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A1	Hoa ĐBK		140.000	140.000	
271	DTS255D140202789	Hoàng Minh Quân	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A1	Tày ĐBK		140.000	140.000	
272	DTS255D140202729	Lã Phương Thảo	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A1	Tày ĐBK		140.000	140.000	
273	DTS255D140202771	Tổng Thị Huế	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A1	Cao Lan ĐBK		140.000	140.000	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Đối tượng	Mức chi trợ cấp xã hội 01 tháng			Ghi chú
						Hộ nghèo	Dân tộc	Tổng	
274	DTS255D140202057	Mìn Thanh Bình	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A1	Cơ Lao ĐBK		140.000	140.000	
275	DTS255D140202715	Hoàng Thị Nhi	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A1	Tày ĐBK		140.000	140.000	
276	DTS255D140202209	Ma Quốc Huy	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A1	Tày ĐBK		140.000	140.000	
277	DTS255D140202766	Triệu Ngọc Yến	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A1	Dao ĐBK		140.000	140.000	
278	DTS255D140202415	Lý Lòng Pư	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A6	Hộ nghèo	100.000		100.000	
279	DTS255D140202399	Hoàng Thị Nhung	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A6	Nùng ĐBK		140.000	140.000	
280	DTS255D140202181	Lã Thị Hiền	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A6	Tày ĐBK		140.000	140.000	
281	DTS255D140202528	Lò Thị Lệ Thuý	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A6	Thái ĐBK		140.000	140.000	
282	DTS255D140202206	Lâm Văn Hợi	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A8	Hộ nghèo	100.000		100.000	
283	DTS255D140202568	Hứa Thị Huyền Trang	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A8	Nùng ĐBK		140.000	140.000	
284	DTS255D140202346	Hứa Thị Quỳnh Nga	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A8	Nùng ĐBK		140.000	140.000	
285	DTS255D140202668	Lường Diệu Thương	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A8	Thái ĐBK		140.000	140.000	
286	DTS255D140202097	Chu Bích Diệp	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A8	Tày ĐBK		140.000	140.000	
287	DTS255D140202333	Ma Thị Hà Mơ	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A8	Tày ĐBK		140.000	140.000	
288	DTS255D140202624	Lâm Thị Yến	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A8	Nùng ĐBK		140.000	140.000	
289	DTS255D140202735	Nguyễn Linh Chi	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A8	Nùng ĐBK		140.000	140.000	
290	DTS255D140202130	Trần Hương Giang	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A8	Tày ĐBK		140.000	140.000	
291	DTS255D140202352	Lò Thị Ngân	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học K60A8	Thái ĐBK		140.000	140.000	
292	DTS255D140204016	Bùi Quỳnh Hương	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Công dân	Hộ nghèo	100.000		100.000	
293	DTS255D140204033	Vi Thị Quy	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Công dân	Tày ĐBK		140.000	140.000	
294	DTS255D140204028	Vi Thị Hồng Ngát	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Công dân	Hộ nghèo	100.000		100.000	
295	DTS255D140204040	Hoàng Thị Yến	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Công dân	Tày ĐBK		140.000	140.000	
296	DTS255D140204038	Bùi Thị Vui	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Công dân	Mường ĐBK		140.000	140.000	
297	DTS255D140204005	Lục Thị Minh Ánh	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Công dân	Nùng ĐBK		140.000	140.000	
298	DTS255D140204011	Tô Thị Đào	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Công dân	Tày ĐBK		140.000	140.000	
299	DTS255D140204050	Phùng Thị Náy	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Công dân	Dao ĐBK		140.000	140.000	
300	DTS255D140204020	Đặng Thị Linh	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Công dân	Dao ĐBK		140.000	140.000	
301	DTS255D140204042	Trần Thị Luyến	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Công dân	Sán Chí ĐBK		140.000	140.000	
302	DTS255D140204007	Nông Thị Linh Chi	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Công dân	Tày ĐBK		140.000	140.000	
303	DTS255D140204013	Hà Minh Hạ	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Công dân	Tày ĐBK		140.000	140.000	
304	DTS255D140204037	Dương Thị Vinh	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Công dân	Nùng ĐBK		140.000	140.000	
305	DTS255D140204048	Nông Đức Duy	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Công dân	Tày ĐBK		140.000	140.000	
306	DTS255D140204052	Xa Thị Thu Huệ	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Công dân	Tày ĐBK		140.000	140.000	
307	DTS255D140204026	Chu Tấn Minh	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Công dân	Nùng ĐBK		140.000	140.000	
308	DTS255D140204014	Mùng Thị Hiền	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Công dân	Tày ĐBK		140.000	140.000	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Đối tượng	Mức chi trợ cấp xã hội 01 tháng			Ghi chú
						Hộ nghèo	Dân tộc	Tổng	
309	DTS255D140204004	Lý Thị Ngọc Ánh	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Công dân	Nùng ĐBK		140.000	140.000	
310	DTS255D140205010	Hoàng Thị Phương	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Chính trị	Tày ĐBK		140.000	140.000	
311	DTS255D140205012	Lường Thị Tuyết	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Chính trị	Thái ĐBK		140.000	140.000	
312	DTS255D140205003	Phan A Cường	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Chính trị	Dao ĐBK		140.000	140.000	
313	DTS255D140211021	Nông Thị Lệ	Vật lý	Vật lý	Nùng ĐBK		140.000	140.000	
314	DTS255D140211033	Hà Thị Ngọc Sen	Vật lý	Vật lý	Tày ĐBK		140.000	140.000	
315	DTS255D140101012	Mùa Trung Kiên	TL Giáo dục	GD học-K60	Mông		140.000	140.000	
316	DTS255D140101044	Và Kiến Trung	TL Giáo dục	GD học-K60	Mông		140.000	140.000	
317	DTS255D140101059	Hạng Thị Dung	TL Giáo dục	GD học-K60	H.Mông		140.000	140.000	
318	DTS255D310403067	Lý Anh Tuấn	TL Giáo dục	TLHGD-K60	Dao		140.000	140.000	
319	DTS255D310403058	Lường Thị Bích Ngân	TL Giáo dục	TLHGD-K60	Tày		140.000	140.000	
320	DTS255D310403057	Nguyễn Thị Hoài	TL Giáo dục	TLHGD-K60	Tày		140.000	140.000	
321	DTS255D310403007	Nguyễn Thùy Dân	TL Giáo dục	TLHGD-K60	Tày		140.000	140.000	
322	DTS255D310403042	Tổng Vệ Quốc	TL Giáo dục	TLHGD-K60	Cao lan		140.000	140.000	
323	DTS255D140101025	Nịnh Thị Tuyết Mai	TL Giáo dục	GD học-K60	Sán chỉ		140.000	140.000	
324	DTS255D140101068	Bùi Thị Hồng Minh	TL Giáo dục	GD học-K60	Mường		140.000	140.000	
325	DTS255D140101004	Nông Thị Hồng Hải	TL Giáo dục	GD học-K60	Tày		140.000	140.000	
326	DTS255D140231119	Triệu Bảo Linh	Ngoại ngữ	SP Tiếng Anh K60A2	Tày		140.000	140.000	
327	DTS255D140231118	Triệu Ngọc Mai	Ngoại ngữ	SP Tiếng Anh K60A2	Tày		140.000	140.000	
328	DTS255D140231143	Hướng Lệ Quyên	Ngoại ngữ	SP Tiếng Anh K60A3	Nùng		140.000	140.000	
329	DTS255D140231129	Nông Thị Hà Vi	Ngoại ngữ	SP Tiếng Anh K60A3	Nùng		140.000	140.000	
330	DTS255D140231048	Hà Thị Ly	Ngoại ngữ	SP Tiếng Anh K60A3	Tày		140.000	140.000	
331	DTS255D140231022	Nông Thu Hằng	Ngoại ngữ	SP Tiếng Anh K60A1	Nùng		140.000	140.000	
332	DTS255D140217132	Hoàng Thị Tuyết	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A1	Nùng		140.000	140.000	
333	DTS255D140217065	Vi Thị Ngọc Lệ	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A1	Tày		140.000	140.000	
334	DTS255D140217170	Nông Kiều Vy	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A1	Tày		140.000	140.000	
335	DTS255D140217048	Hoàng Hồng Hoa	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A1	Tày		140.000	140.000	
336	DTS255D140217024	Lường Hà Chiêu	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A1	Kháng		140.000	140.000	
337	DTS255D140217033	La Thị Hà	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A3	Mông		140.000	140.000	
338	DTS255D140217227	Lăng Thị Đan Lê	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A3	Nùng		140.000	140.000	
339	DTS255D140217196	Quan Thị Ngọc Hân	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A3	Tày		140.000	140.000	
340	DTS255D140217209	Phùng Mùi Diết	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A3	Dao		140.000	140.000	
341	DTS255D140217066	Thí Thùy Lim	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A3	Tày		140.000	140.000	
342	DTS255D140217128	Đặng Thị Diễm Quỳnh	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A3	Dao		140.000	140.000	
343	DTS255D140217208	Nông Thị Thu Hằng	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A3	Tày		140.000	140.000	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Đối tượng	Mức chi trợ cấp xã hội 01 tháng			Ghi chú
						Hộ nghèo	Dân tộc	Tổng	
344	DTS255D140217047	Phùng Thị Hoa	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A3	Dao		140.000	140.000	
345	DTS255D140217215	Hà Bạch Tuyết	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A3	Mường		140.000	140.000	
346	DTS255D140217216	Bùi Huyền Trang	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A2	Mường		140.000	140.000	
347	DTS255D140217064	Vàng Thị Lành	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A2	Tày		140.000	140.000	
348	DTS255D140217027	Ban Thị Hương Duyên	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A2	Tày		140.000	140.000	
349	DTS255D140217015	Hoàng Thị Ngọc Ánh	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A2	Tày		140.000	140.000	
350	DTS255D140217040	Hứa Ngọc Hân	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A2	Nùng		140.000	140.000	
351	DTS255D140217220	Lê Thị Ninh	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A2	Tày		140.000	140.000	
352	DTS255D140217168	Ma Tường Vy	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A2	Tày		140.000	140.000	
353	DTS255D140217091	Bùi Hà My	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A1	Mường		140.000	140.000	
354	DTS255D140217231	Dương Quỳnh Trang	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A1	Tày		140.000	140.000	
355	DTS255D140217031	Ngô Việt Hà	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A1	Dao		140.000	140.000	
356	DTS255D140217096	Dương Thị Vũ Nương	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A1	Tày		140.000	140.000	
357	DTS255D140217232	Dương Thị Thu Hường	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A1	Tày		140.000	140.000	
358	DTS255D140217154	Dương Huyền Trang	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A3	Dao		140.000	140.000	
359	DTS255D140217235	Lệnh Ánh Ngọc	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A1	Tày		140.000	140.000	
360	DTS255D140217063	Ma Thị Mai Lan	SP Ngữ văn K60A1	SP Ngữ văn K60A1	Tày		140.000	140.000	
361	DTS255D140217233	Hoàng Hồng Nhung	SP Ngữ văn K60A1	SP Ngữ văn K60A1	Tày		140.000	140.000	
362	DTS255D140217234	Lò Hà Diệp	SP Ngữ văn K60A1	SP Ngữ văn K60A1	Tày		140.000	140.000	
TỔNG				x		1.600.000	48.580.000	50.180.000	

Ấn định danh sách:

Trong đó:

Mức 1: 140.000 đồng:

Mức 2: 100.000 đồng:

362 Sinh viên

347 Sinh viên

16 Sinh viên